

Thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên tại một số trường đại học thành viên thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Lai Duy Long, Nguyễn Minh Đoàn, Nguyễn Thành Trung, Hoàng Trọng Tuân *



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhận diện và đánh giá thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên tại một số trường đại học thành viên thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Để thu thập dữ liệu, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 120 sinh viên tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: (1) Sinh viên rất quan tâm tới rèn luyện kỹ năng mềm; (2) Sinh viên tiếp nhận kỹ năng mềm chủ yếu thông qua mạng xã hội, các môn học chính khóa và một số các hoạt động ngoại khóa; (3) Có sự khác nhau về mức độ sử dụng thành thạo các nhóm kỹ năng mềm (nhóm có mức độ thành thạo nhất là kỹ năng làm việc nhóm, thấp nhất là nhóm kỹ năng kinh doanh); (4) Yếu tố ảnh hưởng đến việc rèn luyện kỹ năng mềm của sinh viên là thái độ, ý thức của họ và mối quan hệ với bạn bè xung quanh. Để nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên, các đơn vị đào tạo nên tăng cường lồng ghép các nội dung đào tạo kỹ năng mềm trong chương trình đào tạo chính khóa và ngoại khóa của đơn vị. Ngoài ra, sinh viên không ngừng chủ động hoàn thiện các kỹ năng mềm thông qua các môn học trên lớp; tham gia hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ, ... Kết quả nghiên cứu là kênh thông tin tham khảo giúp cho sinh viên cải thiện kỹ năng mềm nhằm đáp ứng yêu cầu học tập và tìm việc làm sau khi ra trường.

Từ khoá: Kỹ năng mềm, sinh viên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Hoàng Trọng Tuân, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: tuanhoang@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 19/01/2021
- Ngày chấp nhận: 25/5/2021
- Ngày đăng: xx/5/2021

DOI:



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



1 ĐẶT VẤN ĐỀ

2 Trong bối cảnh phát triển của cuộc cách mạng công
3 nghiệp 4.0 và sự hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng
4 sâu rộng, ngoài yêu cầu về kỹ năng chuyên môn (kỹ
5 năng cứng), người lao động cần có những kỹ năng
6 mềm (KNM) để bổ trợ cũng như thiết lập mối quan
7 hệ và giải quyết tốt các vấn đề trong công việc¹.
8 Đối với sinh viên, việc trang bị KNM trước khi ra
9 trường trở nên vô cùng cần thiết, giúp tăng cơ hội tìm
10 việc làm và để phát triển sự nghiệp về sau². Nhận
11 thức được tầm quan trọng của KNM, nhiều trường
12 đại học ở Việt Nam đã đưa nội dung giáo dục KNM
13 vào chương trình đào tạo chính khóa (có sự kết hợp
14 các hoạt động ngoại khóa). Tuy nhiên, mức độ sử
15 dụng KNM của sinh viên nhìn chung chưa cao và
16 chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng³.
17 Tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
18 (ĐHQG-TP.HCM), hiện còn thiếu những nghiên cứu
19 cụ thể về mức độ sử dụng KNM của sinh viên. Vì
20 vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm nhận diện,
21 đánh giá thực trạng sử dụng KNM của sinh viên tại
22 một số trường đại học thành viên. Kết quả nghiên
23 cứu là kênh thông tin tham khảo giúp cho sinh viên
24 từng bước hoàn thiện KNM nhằm đáp ứng yêu cầu
25 học tập và tìm việc làm sau khi ra trường.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Khái niệm về kỹ năng mềm

Tùy theo hướng tiếp cận nghiên cứu, có nhiều khái
niệm khác nhau về KNM. Nghiên cứu này sử dụng
khái niệm của Lê Thị Hoài Lan (2017), vì khái niệm
của tác giả nhấn mạnh đến tính chủ động, tự giác
nhằm hoàn thiện các kỹ năng trong nhiều môi trường
tương tác khác nhau. Theo đó, KNM được hiểu là hệ
thống các kỹ năng cơ bản được thực hiện tự giác dựa
trên tri thức về công việc, khả năng hòa nhập xã hội,
thái độ và hành vi ứng xử hay tương tác với xã hội,
cộng đồng, bạn bè, đồng nghiệp, đối tác, tổ chức của
mỗi cá nhân nhằm phát huy tối đa hiệu quả công việc
và thành đạt trong cuộc sống⁴.

Khung kỹ năng mềm dành cho sinh viên

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của KNM,
các tổ chức và cá nhân trên thế giới cũng như Việt
Nam đã nghiên cứu và đề xuất khung đánh giá KNM
khác nhau, cụ thể:

Hội đồng Kinh doanh Úc (BCA) và Phòng Thương
mại và Công nghiệp Úc (ACCI) (2002) đã xác định 08
KNM bắt buộc người lao động phải có gồm: (1) giao
tiếp; (2) làm việc nhóm; (3) giải quyết vấn đề; (4) sáng

Trích dẫn bài báo này: Long L D, Đoàn N M, Trung N T, Tuân H T. Thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên tại một số trường đại học thành viên thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 5(2):xxx-xxx.

49 tạo và mạo hiểm; (5) lập kế hoạch và tổ chức công việc;
 50 (6) quản lý bản thân; (7) học tập; (8) công nghệ⁵.
 51 Bộ Lao động Hoa Kỳ cùng Hiệp hội Đào tạo và Phát
 52 triển Hoa Kỳ đã xác lập 13 KNM cơ bản giúp thành
 53 công trong công việc, gồm: (1) học và tự học; (2) lắng
 54 nghe; (3) thuyết trình; (4) giải quyết vấn đề; (5) tư duy
 55 sáng tạo; (6) quản lý bản thân và tinh thần tự tôn; (7)
 56 xác lập mục tiêu/tạo động lực làm việc; (8) phát triển
 57 cá nhân và sự nghiệp; (9) giao tiếp và tạo lập quan hệ;
 58 (10) làm việc nhóm; (11) thương lượng; (12) tổ chức
 59 công việc hiệu quả; (13) lãnh đạo⁵.
 60 Bộ Giáo dục Đại học Malaysia (2006) đã xác lập 07
 61 nhóm KNM khác nhau, gồm: (1) giao tiếp; (2) tư duy
 62 phản biện và tìm kiếm thông tin; (3) làm việc nhóm;
 63 (4) học tập suốt đời và quản lý thông tin; (5) kinh
 64 doanh; (6) đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng chuyên
 65 môn; (7) lãnh đạo. Khung 07 nhóm kỹ năng này đã
 66 được áp dụng tại Đại học quốc gia Malaysia lần đầu
 67 tiên vào năm 2011⁵.
 68 Trong đề tài nghiên cứu về giáo dục KNM cho sinh
 69 viên đại học của một số nước trên thế giới và đề xuất
 70 cho Việt Nam, Nguyễn Thị Hào (2015) đã đề xuất
 71 khung KNM cho sinh viên Việt Nam, gồm các kỹ
 72 năng: (1) giao tiếp; (2) thích ứng; (3) làm việc nhóm;
 73 (4) tư duy phản biện và giải quyết vấn đề; (5) lãnh đạo;
 74 (6) học tập suốt đời⁶.
 75 Dựa trên cơ sở nghiên cứu, phân tích và đánh giá tổng
 76 quan, nhóm nghiên cứu cho rằng khung KNM của Bộ
 77 Giáo dục Đại học Malaysia ban hành năm 2006⁵ phù
 78 hợp với thực trạng nền giáo dục và đặc điểm của đối
 79 tượng là sinh viên Việt Nam. Khung KNM này cũng
 80 phân chia các KNM thành các nhóm cụ thể, đảm bảo
 81 sinh viên được phát triển toàn diện và thích ứng tốt
 82 trong thời đại mới (trong đó có nhóm kỹ năng học tập
 83 suốt đời). Ngoài ra, khung KNM đã được lấy ý kiến
 84 chuyên gia trên diện rộng và được ban hành bởi cơ
 85 quan chuyên trách về giáo dục của Malaysia (Bộ Giáo
 86 dục Đại học Malaysia ban hành) nên có tính tin cậy
 87 cao.

88 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

89 Để thực hiện mục tiêu nhận diện, đánh giá thực trạng
 90 sử dụng KNM của sinh viên tại một số trường đại
 91 học thành viên thuộc ĐHQG-TP.HCM, nhóm nghiên
 92 cứu đã thực hiện khảo sát bằng bảng hỏi đối với 120
 93 sinh viên Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (đại
 94 diện cho khối ngành khoa học tự nhiên) và trường
 95 Đại học Khoa học Xã hội và nhân văn (đại diện cho
 96 khối ngành khoa học xã hội). Phương pháp được sử
 97 dụng chọn mẫu là phương pháp chọn mẫu hạn ngạch,
 98 với hai nhóm sinh viên đại cương và chuyên ngành.
 99 Các tác giả cho rằng kỹ năng mềm của sinh viên được
 100 hình thành và phát triển theo thời gian, cùng với khả

năng hòa nhập và tương tác xã hội. Ngoài ra, càng về
 những năm cuối trước khi ra trường, mức độ nhận
 thức về sự cần thiết phải tự rèn luyện KNM của sinh
 viên càng tăng lên, để chuẩn bị cho tìm việc làm sau
 khi ra trường. Để đảm bảo cỡ mẫu tối thiểu khi xử
 lý số liệu khảo sát bằng phương pháp thống kê mô tả,
 tại mỗi trường, nhóm nghiên cứu lựa chọn khảo sát 30
 sinh viên đang theo học chương trình đại cương và 30
 sinh viên đang theo học chương trình chuyên ngành.
 Thời gian thực hiện khảo sát bằng hỏi từ tháng 6 đến
 tháng 7 năm 2020.

112 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

113 Thực trạng rèn luyện KNM của sinh viên 114 tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên và 115 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân 116 văn

117 Trong 120 sinh viên tham gia cuộc khảo sát, tỷ lệ sinh
 118 viên phân theo năm học (từ năm thứ nhất đến năm
 119 thứ tư) là 25% ở mỗi trường. Trong đó, tỷ lệ nữ chiếm
 120 56,7% trong tổng số sinh viên tham gia khảo sát. Dưới
 121 đây là một số kết quả nghiên cứu chính:

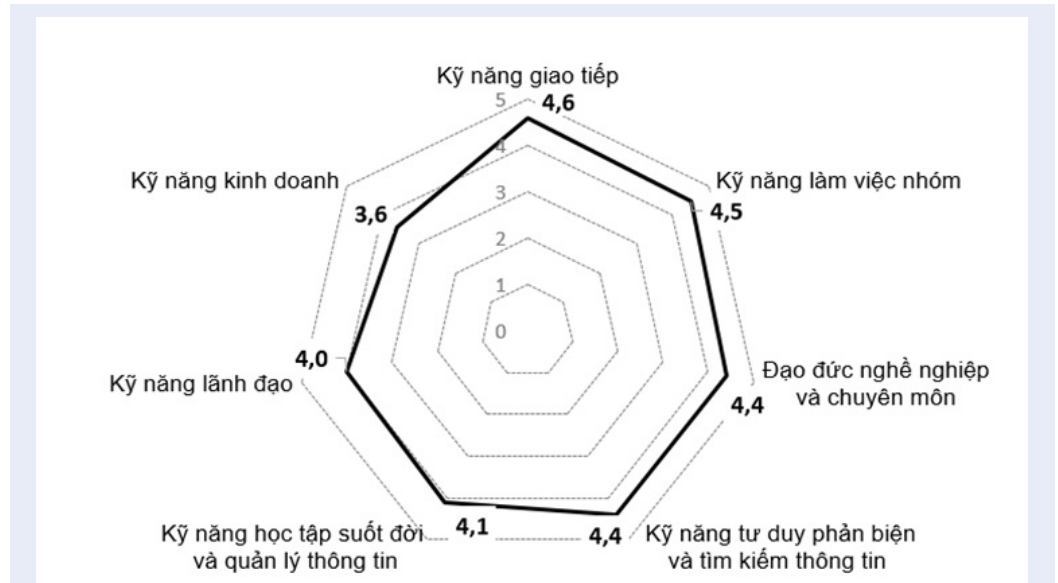
122 - **Mức độ quan tâm đến KNM:** Mức độ quan tâm
 123 của sinh viên đối với KNM lần lượt là rất quan tâm
 124 (55,9%), quan tâm (25,8%), bình thường (15,8%),
 125 không quan tâm (2,5%).

126 - **Kênh thông tin sinh viên tiếp nhận KNM:** Sinh viên
 127 tiếp nhận KNM thông qua: mạng xã hội và internet
 128 (96%); các môn học trong chương trình đào tạo
 129 (66%); trao đổi với bạn bè hoặc người thân (64%);
 130 hoạt động ngoại khoá do Đoàn Thanh niên và Hội
 131 Sinh viên tổ chức (53%); Khóa học KNM (44%).

132 - **Nhận thức về mức độ cần thiết các nhóm KNM:** Các
 133 nhóm kỹ năng sinh viên cho rằng rất cần thiết gồm:
 134 kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng
 135 đạo đức nghề nghiệp và chuyên môn; kỹ năng tư duy
 136 phản biện và tìm kiếm thông tin. Các nhóm KNM
 137 đều được sinh viên cho rằng khá cần thiết gồm: kỹ
 138 năng học tập suốt đời và quản lý thông tin; kỹ năng
 139 lãnh đạo; kỹ năng kinh doanh (xem Hình 1).

140 - **Nhận thức vai trò của KNM:** Nhìn chung, các sinh
 141 viên tham gia khảo sát đều nhận thấy tầm quan trọng
 142 của KNM trong học tập, sinh hoạt hiện tại và công
 143 việc trong tương lai. Trong đó, vai trò quan trọng nhất
 144 là giúp sinh viên giao tiếp tự tin hơn trước đám đông
 145 và giúp sinh viên hòa nhập vào môi trường làm việc
 146 một cách nhanh chóng (xem Bảng 1).

147 - **Mức độ sử dụng thành thạo các KNM:** Nhìn chung,
 148 sinh viên sử dụng khá thành thạo các KNM. Tuy
 149 nhiên, vẫn có sự chênh lệch về mức độ sử dụng giữa
 150 các nhóm. Trong đó, nhóm có mức độ thành thạo
 151 cao nhất là nhóm kỹ năng làm việc nhóm (4,01 điểm),



Hình 1: Mức độ cần thiết của các nhóm KNM^a

^a *Ghi chú:* Điểm trung bình được quy đổi thành mức độ cần thiết như sau: Chưa cần thiết: dưới 2,6; Trung bình: từ 2,6 đến dưới 3,4; Khá cần thiết = từ 3,4 đến dưới 4,2; Rất cần thiết = từ 4,2 đến 5,0.

Bảng 1: Vai trò của KNM đối với học tập, công việc và cuộc sống

Vai trò của KNM đối với học tập và cuộc sống hiện tại	Điểm trung bình	Mức độ quan trọng
Giúp giao tiếp và ứng xử tự tin hơn trước đám đông	4,53	Rất quan trọng
Dễ dàng hòa nhập và tạo mối quan hệ với mọi người	4,40	Rất quan trọng
Chủ động giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc học và sinh hoạt	4,31	Rất quan trọng
Bổ trợ trong quá trình học tập và đạt kết quả tốt hơn	4,10	Khá quan trọng
Tham gia các hoạt động xã hội một cách chủ động, tích cực	3,92	Khá quan trọng
Vai trò của KNM đối với công việc và cuộc sống tương lai	Điểm trung bình	Mức độ quan trọng
Giúp hòa nhập vào môi trường làm việc dễ dàng, nhanh chóng	4,36	Rất quan trọng
Giúp phát huy tiềm năng bản thân và dẫn dắt người khác để đạt được mục tiêu chung	4,27	Rất quan trọng
Tăng khả năng thăng tiến trong công việc	4,25	Rất quan trọng
Bổ trợ cho kỹ năng chuyên môn	4,24	Rất quan trọng
Giúp xác định được giá trị riêng của bản thân và kiên định với giá trị đó	4,15	Khá quan trọng
Tăng khả năng cạnh tranh công việc trong tương lai	4,12	Khá quan trọng

Ghi chú: Điểm trung bình được quy đổi thành mức độ quan trọng: Không thực sự quan trọng: dưới 2,6; Trung bình: từ 2,6 đến dưới 3,4; Khá quan trọng = từ 3,4 đến dưới 4,2; Rất quan trọng = từ 4,2 đến 5,0.

152 thấp nhất là nhóm kỹ năng kinh doanh (3,43 điểm)
 153 (xem Hình 2).
 154 Trong mỗi nhóm kỹ năng, có sự chênh lệch về mức độ
 155 sử dụng các kỹ năng thành phần:
 156 + *Đối với nhóm kỹ năng giao tiếp*: Đây là nhóm kỹ
 157 năng sinh viên sử dụng khá thành thạo (với điểm số
 158 3,84 điểm). Trong đó, điểm số cao nhất là kỹ năng
 159 phát triển khả năng giao tiếp bản thân. Có điểm số
 160 thấp nhất là kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ cơ thể
 161 (xem Bảng 2).
 162 + *Đối với nhóm kỹ năng tư duy phân biện và tìm kiếm*
 163 *thông tin*: Đây là nhóm kỹ năng sinh viên sử dụng
 164 khá thành thạo (với điểm số 3,88 điểm). Trong đó,
 165 điểm số cao nhất là kỹ năng thấu hiểu và hòa nhập
 166 với văn hóa của cộng đồng hoặc môi trường làm việc
 167 mới. Có điểm số thấp nhất là kỹ năng tư duy đột phá
 168 (xem Bảng 3).
 169 + *Đối với nhóm kỹ năng làm việc nhóm*: Đây là nhóm
 170 kỹ năng có điểm số trung bình cao nhất trong các
 171 nhóm KNM, với điểm số 4,01 (tương ứng mức độ
 172 sử dụng khá thành thạo). Trong nhóm này, điểm số
 173 của các kỹ năng bộ phận theo thứ tự từ cao đến thấp
 174 lần lượt như sau: Kỹ năng nhận biết và tôn trọng thái
 175 độ, hành vi và niềm tin của người khác (4,15 điểm);
 176 Kỹ năng sẵn sàng chịu trách nhiệm về quyết định của
 177 cả nhóm (4,13 điểm); Kỹ năng đóng góp vào việc lập
 178 kế hoạch và phối hợp vào nỗ lực chung của cả nhóm
 179 (3,98 điểm); Kỹ năng xây dựng mối quan hệ tốt, tương
 180 tác với mọi người và làm việc hiệu quả để cùng đạt
 181 được mục tiêu chung (3,96 điểm); Kỹ năng thấu hiểu
 182 và hoán đổi vị trí giữa trưởng nhóm và thành viên
 183 trong nhóm (3,83 điểm).
 184 + *Đối với nhóm kỹ năng học tập suốt đời và quản lý*
 185 *thông tin*: Đây là nhóm kỹ năng sinh viên sử dụng khá
 186 thành thạo (với điểm số 3,99). Điểm số đánh giá của
 187 các kỹ năng bộ phận lần lượt như sau: Kỹ năng tự học
 188 (4,08 điểm); Kỹ năng tìm kiếm và quản lý thông tin
 189 có liên quan từ nhiều nguồn khác nhau (4,05 điểm);
 190 Kỹ năng phát triển trí tò mò và tìm kiếm tri thức (3,83
 191 điểm).
 192 + *Đối với nhóm kỹ năng kinh doanh*: Đây là nhóm kỹ
 193 năng sinh viên sử dụng khá thành thạo (với điểm số
 194 3,42). Điểm số đánh giá của các kỹ năng bộ phận lần
 195 lượt như sau: Kỹ năng làm việc độc lập (3,86 điểm);
 196 Kỹ năng tạo lập và nắm bắt cơ hội công việc kinh
 197 doanh (3,31 điểm); Kỹ năng nhận diện được cơ hội
 198 kinh doanh (3,28 điểm).
 199 + *Đối với nhóm kỹ năng đạo đức nghề nghiệp và chuyên*
 200 *môn*: Đây là nhóm kỹ năng sinh viên sử dụng khá
 201 thành thạo (với điểm số 3,97). Điểm số đánh giá
 202 của các kỹ năng bộ phận lần lượt như sau: Kỹ năng
 203 rèn luyện đạo đức, và chịu trách nhiệm với xã hội
 204 (4,19 điểm); Kỹ năng phân tích và ra quyết định để

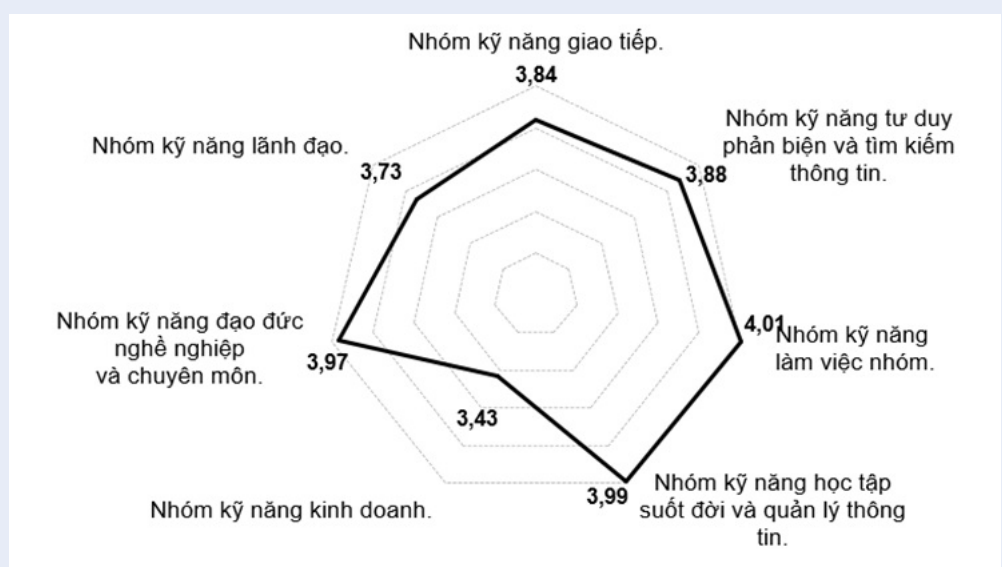
giải quyết vấn đề liên quan đến đạo đức (4,02 điểm);
 Kỹ năng nhận diện được sự ảnh hưởng của nền kinh
 tế, môi trường và văn hóa xã hội trong thực tế (3,71
 điểm).
 + *Đối với nhóm kỹ năng lãnh đạo*: Đây là nhóm kỹ
 năng sinh viên sử dụng khá thành thạo (với điểm số
 3,73). Điểm số đánh giá của các kỹ năng bộ phận lần
 lượt như sau: Kỹ năng thấu hiểu các thành viên trong
 nhóm (3,90 điểm); Kỹ năng giám sát các thành viên
 trong nhóm (3,80 điểm); Kỹ năng vận dụng các kiến
 thức cơ bản về lãnh đạo (3,61 điểm); Kỹ năng lãnh đạo
 một dự án (3,61 điểm).

Các yếu tố ảnh hưởng đến rèn luyện KNM của sinh viên tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Các yếu tố ảnh hưởng đến rèn luyện KNM của sinh viên tại các trường điển cứu được chia thành hai nhóm:
 - Nhóm các yếu tố chủ quan, gồm: Nhận thức của sinh viên về học tập và rèn luyện kỹ năng; Thái độ và ý thức của sinh viên; Sự hứng thú của sinh viên; Mối quan hệ của sinh viên với bạn bè.
 - Nhóm các yếu tố khách quan, gồm: Đặc điểm văn hóa và vùng miền; Môi trường gia đình và xã hội; Chương trình đào tạo của nhà trường; Phương pháp giảng dạy của giảng viên; Hoạt động và phong trào do Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức; Tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.
 Trong đó, điểm trung bình đánh giá của nhóm yếu tố chủ quan là 3,94 điểm, nhóm các yếu tố khách quan là 3,64 điểm. Trong các yếu tố chủ quan, thái độ và ý thức của sinh viên có điểm đánh giá lớn nhất (4,03 điểm). Trong các yếu tố khách quan, mối quan hệ với bạn bè có điểm đánh giá cao nhất (3,86 điểm). Kết quả nghiên cứu cho thấy yếu tố đặc điểm văn hoá và vùng miền ảnh hưởng thấp nhất đến việc rèn luyện KNM của sinh viên (xem Hình 3).

THẢO LUẬN

Qua kết quả khảo sát, có thể rút ra một số nhận định về thực trạng KNM của sinh viên tại một số trường đại học thành viên thuộc ĐHQG-TP. HCM như sau:
Thứ nhất, kết quả nghiên cứu này tương thích với kết luận của Huỳnh Văn Sơn (2012)³ và Tạ Quang Thảo (2014)⁷ khi phần lớn sinh viên đều có nhận thức về tầm quan trọng, sự cần thiết rèn luyện KNM đối với việc học hiện tại và công việc trong tương lai.
Thứ hai, việc sử dụng thành thạo các KNM của sinh viên hiện nay có sự chênh lệch đáng kể. Hai nhóm kỹ năng được đánh giá ở mức điểm cao là kỹ năng



Hình 2: Mức độ sử dụng thành thạo 07 nhóm KNM của sinh viên^a

^a**Ghi chú:** Điểm trung bình được quy đổi thành mức độ thành thạo: Thiếu thành thạo: dưới 2,6; Trung bình: từ 2,6 đến dưới 3,4; Khá thành thạo = từ 3,4 đến dưới 4,2; Thành thạo = từ 4,2 đến 5,0.

Bảng 2: Điểm đánh giá mức độ thành thạo đối với nhóm kỹ năng giao tiếp^a

Stt	Các kỹ năng bộ phận	Điểm số
1	Kỹ năng phát triển khả năng giao tiếp bản thân	3,98
2	Kỹ năng trình bày ý tưởng rõ ràng, hiệu quả và tự tin bằng hình thức nói và viết	3,93
3	Kỹ năng sử dụng công nghệ vào việc thuyết trình	3,92
4	Kỹ năng lắng nghe và phản hồi một cách chủ động	3,90
5	Kỹ năng thuyết trình rõ ràng, tự tin và phù hợp với trình độ của người nghe	3,83
6	Kỹ năng thương lượng và đạt được sự đồng thuận	3,75
7	Kỹ năng giao tiếp với mọi người từ nhiều vùng miền khác nhau	3,74
8	Kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ cơ thể	3,63
Điểm trung bình		3,84

255 làm việc nhóm (4,01 điểm) và kỹ năng học tập suốt
 256 đời và quản lý thông tin (3,99 điểm). Sở dĩ như vậy
 257 có thể là do giảng viên thực hiện đánh giá thông qua
 258 các hình thức như thảo luận, viết tiểu luận đã gián
 259 tiếp giúp sinh viên rèn luyện hai kỹ năng này. Bên
 260 cạnh đó, nhóm kỹ năng kinh doanh có mức đánh giá
 261 thấp nhất (3,43 điểm), kể đến là kỹ năng lãnh đạo
 262 (3,73 điểm). Nhóm tác giả nhận định rằng nguyên
 263 nhân có thể là do chương trình đào tạo (ngoại khóa
 264 và chính khóa) của một số trường đại học chưa chú
 265 trọng đến việc hình thành kỹ năng kinh doanh này
 266 cho sinh viên; vai trò lãnh đạo nhóm (như nhóm học
 267 tập, nhóm dự án, các hoạt động ngoại khóa) còn tập

268 trung vào một số cá nhân sinh viên có uy tín hoặc
 269 kinh nghiệm tổ chức, khiến cho điểm đánh giá trung
 270 bình giảm xuống; nhiều sinh viên dành thời gian cho
 271 việc học để đạt được thành tích học tập cao (thông
 272 qua điểm số) và tích lũy thêm nhiều chứng chỉ thay vì
 273 chú trọng rèn luyện KNM cho bản thân.

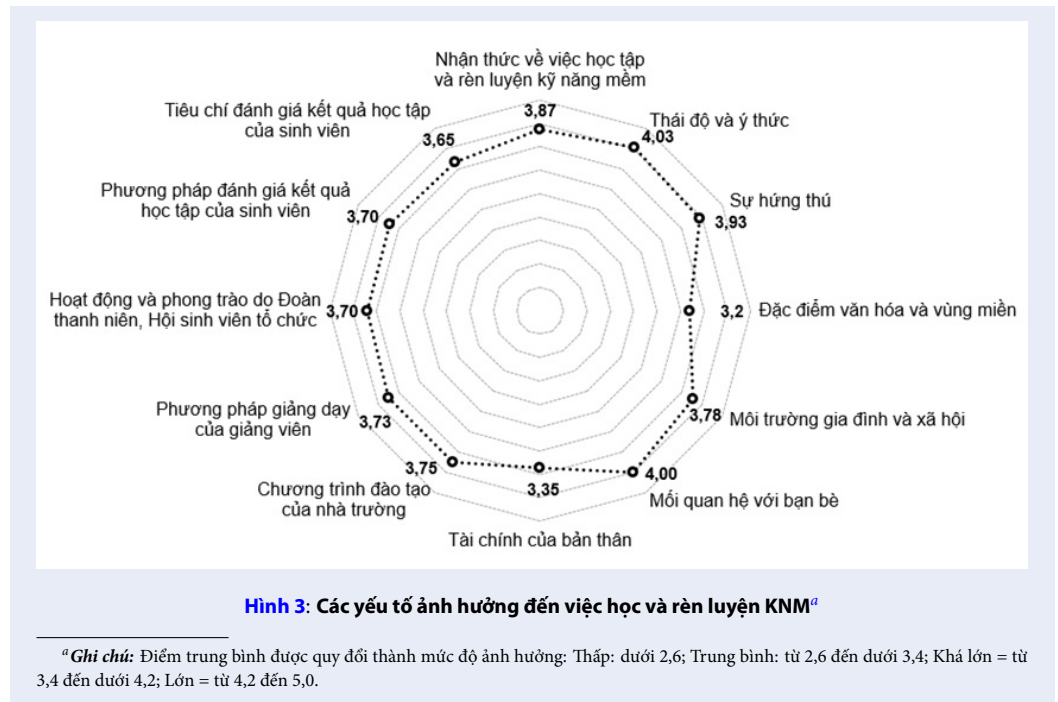
274 *Thứ ba*, trong các nhóm yếu tố tác động đến rèn luyện
 275 KNM của sinh viên, chủ yếu là do yếu tố chủ quan.
 276 Điều này xuất phát từ ý muốn, sự chủ động, nỗ lực
 277 trong học tập và rèn luyện của sinh viên.

278 Để nâng cao hiệu quả rèn luyện KNM cho sinh viên,
 279 nhóm nghiên cứu có một số đề xuất như sau:

Bảng 3: Điểm đánh giá mức độ thành thạo đối với nhóm kỹ năng tư duy phản biện và tìm kiếm thông tin

Stt	Các kỹ năng bộ phận	Điểm số
1	Kỹ năng thấu hiểu và hòa nhập với văn hóa của cộng đồng hoặc môi trường làm việc mới	4,02
2	Kỹ năng để tìm kiếm ý tưởng và giải pháp	3,93
3	Kỹ năng đưa ra quyết định dựa trên các bằng chứng thuyết phục	3,9
4	Kỹ năng tập trung tối đa và kiên trì vào nhiệm vụ được giao	3,88
5	Kỹ năng phát triển và cải thiện khả năng tư duy (giải thích, phân tích, đánh giá)	3,86
6	Kỹ năng nhận diện và phân tích, đánh giá vấn đề trong hoàn cảnh phức tạp	3,84
7	Kỹ năng tư duy đột phá	3,75
Điểm trung bình		3,88

Ghi chú: Điểm trung bình được quy đổi thành mức độ thành thạo các kỹ năng: Kém: dưới 2,6; Trung bình: từ 2,6 đến dưới 3,4; Khá = từ 3,4 đến dưới 4,2; Tốt = từ 4,2 đến 5,0.



280 - Đối với cấp ĐHQG-TPHCM: Cần có hình thức
 281 khuyến khích các trường đại học thành viên triển
 282 khai công tác giáo dục KNM cho sinh viên ngay
 283 trong chương trình đào tạo, cũng như tăng cường các
 284 hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm thực tế. Ngoài
 285 ra, ĐHQG-TPHCM nên nghiên cứu và xây dựng bộ
 286 khung KNM riêng dành cho sinh viên thuộc khối
 287 ĐHQG.

288 - Đối với các Trường Đại học Khoa học Tự nhiên và
 289 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn: Khuyến
 290 khích, hướng dẫn các Khoa/Bộ môn xem xét, lồng
 291 ghép nội dung giáo dục KNM vào trong chương trình

292 đào tạo (chính khóa và ngoại khóa), nhất là nhóm kỹ
 293 năng kinh doanh, kỹ năng lãnh đạo.

294 - Đối với Khoa/Bộ môn trực thuộc trường Đại học: Xem
 295 xét, lồng ghép các nội dung đào tạo KNM vào trong
 296 chương trình đào tạo chính khóa và ngoại khóa của
 297 đơn vị. Điều chỉnh chuẩn đầu ra cho chương trình
 298 đào tạo sao cho sát với yêu cầu rèn luyện từng nhóm
 299 KNM của sinh viên. Tổ chức các hoạt động giao lưu,
 300 gặp gỡ giữa sinh viên với doanh nghiệp, đối tác.

301 - Đối với Đoàn Thanh niên - Hội sinh viên: Tăng
 302 cường khảo sát định kỳ về thực trạng KNM và nhu
 303 cầu rèn luyện của sinh viên làm cơ sở xây dựng các

304 hoạt động ngoại khóa phù hợp. Phối hợp chặt chẽ với
305 nhà Trường và các Khoa/Bộ môn trong việc tổ chức
306 các phong trào, hoạt động rèn luyện KNM cho sinh
307 viên.

308 - *Đối với cá nhân sinh viên*: Kết quả nghiên cứu cho
309 thấy, các yếu tố chủ quan (xuất phát từ phía sinh viên)
310 có ảnh hưởng rất lớn đến việc rèn luyện KNM. Do vậy,
311 sinh viên cần tích cực, chủ động hoàn thiện các KNM
312 thông qua các môn học trên lớp; tham gia hoạt động
313 ngoại khóa, các câu lạc bộ, đội, nhóm,... Các nhóm kỹ
314 năng sinh viên nên tiếp tục phát huy là kỹ năng làm
315 việc nhóm; kỹ năng học tập suốt đời và quản lý thông
316 tin; kỹ năng đạo đức nghề nghiệp và chuyên môn. Bên
317 cạnh đó, sinh viên cần quan tâm và hoàn thiện hơn
318 nữa nhóm kỹ năng lãnh đạo và kỹ năng kinh doanh.

319 KẾT LUẬN

320 Trên cơ sở tổng quan tài liệu nghiên cứu, nhóm tác giả
321 đã xác định được khung nghiên cứu KNM phù hợp
322 với đối tượng sinh viên, từ đó vận dụng vào trường
323 hợp cụ thể là sinh viên đang học tập tại một số trường
324 đại học thành viên thuộc ĐHQG-TP.HCM. Kết quả
325 nghiên cứu bước đầu nhận diện và đánh giá được:
326 (1) Thực trạng KNM của sinh viên (thực trạng về
327 kênh thông tin tiếp nhận KNM; mức độ quan tâm
328 đến KNM; nhận thức về mức độ cần thiết các nhóm
329 KNM; nhận thức vai trò của KNM; mức độ sử dụng
330 thành thạo các KNM); (2) Các yếu tố ảnh hưởng đến
331 rèn luyện KNM của sinh viên (trong đó, nhóm yếu
332 tố chủ quan có mức độ quan trọng hơn nhóm yếu tố
333 khách quan).

334 Nghiên cứu này cũng đã trình bày một số kết quả thảo
335 luận và đề xuất kiến nghị cho các bên liên quan trong
336 việc rèn luyện KNM cho sinh viên tại một số trường
337 đại học thành viên thuộc ĐHQG-TP.HCM, trong đó,
338 cần đảm bảo tính đồng bộ và liên tục trong quá trình
339 thực hiện. Ở góc độ sinh viên, quan trọng nhất là cần
340 tích cực, chủ động tham gia rèn luyện KNM mà bản
341 thân sinh viên nhận thấy còn hạn chế.

342 Kết quả nghiên cứu này vừa là kênh thông tin tham
343 khảo hữu ích để các tổ chức Đoàn thể vừa có thể xây
344 dựng nội dung giáo dục KNM, đồng thời giúp cho
345 sinh viên từng bước hoàn thiện KNM nhằm đáp ứng
346 yêu cầu học tập và tìm việc làm sau khi ra trường.

347 Bên cạnh đó, nghiên cứu không tránh khỏi một số
348 hạn chế như phạm vi khảo sát chưa rộng (các tác giả
349 mới tiếp cận, khảo sát sinh viên của 02 trường đại học
350 thành viên của ĐHQG-TP.HCM); quy mô mẫu chưa
351 đủ lớn và chưa thực sự đa dạng ở nhiều khoa/bộ môn;
352 phương pháp chọn mẫu hạn ngạch phi tỷ lệ; thiếu các
353 nội dung phỏng vấn giảng viên và các doanh nghiệp
354 làm cơ sở bổ sung cho nhận định và đề xuất giải pháp.
355 Do vậy, người đọc cần lưu ý rằng những ý kiến thảo

luận được đưa ra là dựa trên các kết quả của cuộc khảo
sát này.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học
Xã hội và Nhân văn - ĐHQG-TP. HCM, trong khuôn
khổ đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên năm học
2019-2020, với chủ đề “*Kỹ năng mềm cho sinh viên Đại
học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: thực trạng và
biện pháp giáo dục*”, do tác giả Lai Duy Long làm chủ
nhiệm.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ĐHQG: Đại học Quốc gia
TP. HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
KNM: Kỹ năng mềm
ĐHQG-TPHCM: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ
Chí Minh

TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả **Lai Duy Long, Nguyễn Minh Đoàn, Nguyễn
Thành Trung**

1. Tổng quan tư liệu.
2. Lựa chọn (và dịch) khung KNM của Bộ Giáo dục
Đại học Malaysia (2006).
3. Xây dựng bảng hỏi khảo sát, thực hiện khảo sát.
4. Phân tích kết quả khảo sát, lập bảng biểu, biểu đồ.
5. Viết bài nghiên cứu.

Tác giả **Hoàng Trọng Tuấn**

1. Tư vấn cơ sở lý thuyết và lựa chọn khung KNM phù
hợp với đối tượng sinh viên ĐHQG - TP. HCM.
2. Tư vấn, góp ý xây dựng bảng khảo sát, xác định cỡ
mẫu, lựa chọn địa điểm khảo sát.
3. Tư vấn xử lý số liệu điều tra, phân tích và trình bày
kết quả.
4. Xây dựng đề cương bài viết.
5. Biên tập và chỉnh sửa bài viết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghĩa TD. Thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho học
sinh các trường trung học phổ thông chuyên khu vực miền
Trung Việt Nam qua hoạt động trải nghiệm. Tạp chí Giáo dục.
2018;1(1):5–10. Available from: [https://tapchigiaoduc.moet.gov.
vn/vi/magazine/download/?download=1&catid=342&id=6193](https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/vi/magazine/download/?download=1&catid=342&id=6193).
2. Thủy BL, Đình Nghiệm P. Kỹ năng mềm. [Online]. 2010; Avail-
able from: [http://thuvien.due.udn.vn:8080/dspace/bitstream/
TVDHKT/15720/1/4.pdf](http://thuvien.due.udn.vn:8080/dspace/bitstream/TVDHKT/15720/1/4.pdf).
3. Sơn HV. Thực trạng một số kỹ năng mềm của sinh viên Đại học
Sư phạm. Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí
Minh. 2012;1(1):22–28. Available from: [http://journal.hcmue.
edu.vn/index.php/hcmuejos/article/download/1808/1797](http://journal.hcmue.edu.vn/index.php/hcmuejos/article/download/1808/1797).

- 405 4. Lan LTH. Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên khoa Kinh
406 tế trường Đại học Đồng Nai theo tiếp cận chuẩn đầu ra. Tạp
407 chí Khoa học - Đại học Đồng Nai. 2017;1(1):80 –94. Avail-
408 able from: [http://tapchikhoahoc.dnpu.edu.vn/UserFiles/Docs/
409 TapChi/2017/06/9.%20Le%20Thi%20Hoai%20Lan_80-94.pdf](http://tapchikhoahoc.dnpu.edu.vn/UserFiles/Docs/TapChi/2017/06/9.%20Le%20Thi%20Hoai%20Lan_80-94.pdf).
- 410 5. Ministry of Higher Education Malaysia. Soft skills development
411 module for Malaysian institutions of higher learning. Serdang:
412 Universiti Putra Malaysia Publishers. 2006;.
- 413 6. Hào NT. Giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên đại học của một
414 số nước trên thế giới và đề xuất cho Việt Nam. 2015;.
- 415 7. Thảo TQ. Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên các trường
416 Đại học, Cao Đẳng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động
417 trong giai đoạn hiện nay. Tạp chí Giáo dục. 2014;1(1):27 –29.
418 Available from: [https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/vi/magazine/
419 so-329-ki-i-thang-3/10-phat-trien-ki-nang-mem-cho-sinh-
420 vien-cac-truong-dai-hoc-cao-dang-dap-ung-yeu-cau-cua-thi-
421 truong-lao-dong-trong-giai-doan-hien-nay-1343.html](https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/vi/magazine/so-329-ki-i-thang-3/10-phat-trien-ki-nang-mem-cho-sinh-vien-cac-truong-dai-hoc-cao-dang-dap-ung-yeu-cau-cua-thi-truong-lao-dong-trong-giai-doan-hien-nay-1343.html).

The actual situation of students' soft skills at some member universities of Vietnam National University Ho Chi Minh City

Lai Duy Long, Nguyen Minh Doan, Nguyen Thanh Trung, Hoang Trong Tuan*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

This study identifies and assesses the actual situation of students' soft skills at some member universities of Vietnam National University Ho Chi Minh City. To gather data, we surveyed 120 students at the University of Science and the University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City. The research results show that (1) Students are interested in practicing soft skills; (2) Students learn soft skills mainly through social networks, core subjects, and a number of extracurricular activities; (3) There is a wide variety of proficiency levels of groups of soft skills (the group with the highest level of proficiency is teamwork skills, and the lowest one is the group of business skills); and (4) The factors which affect students' soft skill training are their attitude, awareness and relationships with friends around. To improve the effectiveness of soft skill training for students, training units should strengthen the integration of soft skill training content in their curricular and extra-curricular training programs. In addition, students constantly improve soft skills through classroom subjects in an active way; join extracurricular activities, clubs, etc. The research results are a channel of reference to help students to improve their soft skills in order to meet learning requirements and find jobs after graduation.

Key words: Soft skills, students, Vietnam National University Ho Chi Minh City

University of Social Sciences &
Humanities – VNU-HCM, Vietnam

Correspondence

Hoang Trong Tuan, University of Social Sciences & Humanities – VNU-HCM, Vietnam

Email: tuanhoang@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 19/01/2021
- Accepted: 25/05/2021
- Published: xx/05/2021

DOI :



Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Long L D, Doan N M, Trung N T, Tuan H T. **The actual situation of students' soft skills at some member universities of Vietnam National University Ho Chi Minh City** . *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 5(2):xxx-xxx.